

I. Trắc nghiệm: (7 điểm)

Hãy tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1. Vào các tháng mùa mưa trong năm, số lượng muỗi tăng nhiều. Đây là dạng biến động số lượng

- A. không theo chu kỳ.
- B. theo chu kỳ mùa.
- C. theo chu kỳ nhiều năm.
- D. theo chu kỳ ngày đêm.

Câu 2. Ở quần thể người, quy định nhóm tuổi trước sinh sản là:

- A. Từ 15 đến dưới 20 tuổi.
- B. Từ sơ sinh đến dưới 25 tuổi.
- C. Từ sơ sinh đến dưới 15 tuổi.
- D. Từ sơ sinh đến dưới 20 tuổi.

Câu 3. Giun đũa sống trong ruột lợn. Môi trường sống của Giun đũa là môi trường

- A. dưới nước.
- B. trên cạn.
- C. sinh vật.
- D. đất.

Câu 4. Cây tầm gửi kí sinh trên thân cây khác. Môi trường sống của tầm gửi là môi trường

- A. trên cạn.
- B. dưới nước.
- C. đất.
- D. sinh vật.

Câu 5. Nhân tố sinh thái là

- A. những yếu tố vật lý tác động và chi phối đến đời sống sinh vật.
- B. những yếu tố môi trường tác động và chi phối đến đời sống sinh vật.
- C. những yếu tố môi trường tác động nhưng không chi phối đến đời sống sinh vật.
- D. những yếu tố sinh học tác động và chi phối đến đời sống sinh vật.

Câu 6. Mục đích của việc thực hiện Pháp lệnh dân số ở Việt Nam là:

- A. Bảo đảm chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội.
- B. Bảo vệ môi trường không khí trong lành.
- C. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản của quốc gia.
- D. Nâng cao dân trí cho người có thu nhập thấp.

Câu 7. Tháp dân số thể hiện

- A. đặc trưng dân số của mỗi nước.
- B. thành phần dân số của mỗi nước.
- C. nhóm tuổi dân số của mỗi nước.
- D. tỉ lệ nam/nữ của mỗi nước.

Câu 8. Quần thể người có những nhóm tuổi nào sau đây?

- A. Nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc.
- B. Nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi sau lao động, nhóm tuổi không còn khả năng sinh sản.
- C. Nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc.
- D. Nhóm tuổi trước lao động, nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sau lao động.

Câu 9. Quần thể người có đặc trưng nào sau đây khác so với quần thể sinh vật?

- A. Tỉ lệ giới tính.
- B. Thành phần nhóm tuổi.
- C. Mật độ.
- D. Đặc trưng kinh tế xã hội.

Câu 10. Nhóm sinh vật nào sau đây hoạt động vào ban đêm ?

- A. Ngựa, lừa, dê.
- B. Gà, bồ câu, dê.
- C. Chim cú, muỗi, dơi.
- D. Ruồi, ong, gà.

Câu 11. Giới hạn dưới về nhiệt độ của cá rô phi Việt Nam là

- A. 5 $^{\circ}$ C.
- B. 27 $^{\circ}$ C.
- C. 30 $^{\circ}$ C.
- D. 42 $^{\circ}$ C.

Câu 12. Tăng dân số nhanh có thể dẫn đến tình trạng nào sau đây?

- A. Thiếu nơi ở, ô nhiễm môi trường, nhưng làm cho kinh tế phát triển mạnh ảnh hưởng tốt đến người lao động.
- B. Lực lượng lao động tăng, làm dư thừa sức lao động dẫn đến năng suất lao động giảm.
- C. Lực lượng lao động tăng, khai thác triệt để nguồn tài nguyên làm năng suất lao động tăng.
- D. Thiếu: nơi ở, nguồn thức ăn, nước uống; ô nhiễm môi trường, tàn phá rừng và các tài nguyên khác.

Câu 13. Ví dụ nào sau đây không phải là quần thể sinh vật?

- A. Các cá thể chim cánh cụt sống ở bờ biển Nam cực.
- B. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa.
- C. Các cá thể rắn hổ mang sống ở ba hòn đảo cách xa nhau.
- D. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng Đông bắc Việt Nam.

Câu 14. Ở đa số động vật, tỉ lệ đực/cái ở giai đoạn trứng hoặc con non mới nở thường là:

- A. 50/50.
- B. 70/30.
- C. 75/25.
- D. 40/60.

Câu 15. Ở quần thể người nhóm tuổi lao động là những người có độ tuổi từ

- A. 13 đến 55.
- B. 14 đến 60.
- C. 15 đến 60.
- D. 15 đến 64.

Câu 16. Ở quần thể người nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc là những người có độ tuổi từ

- A. 55 tuổi trở lên.
- B. 60 tuổi trở lên.
- C. 65 tuổi trở lên.
- D. 70 tuổi trở lên.

Câu 17. Trên một cánh đồng lúa, khi cỏ dại phát triển, năng suất lúa giảm. Mối quan hệ giữa cỏ và lúa là quan hệ

- A. cộng sinh.
- B. hội sinh.
- C. kí sinh, nửa kí sinh.
- D. cạnh tranh.

Câu 18. Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa. Mối quan hệ giữa cá ép và rùa là quan hệ

- A. cộng sinh.
- B. hội sinh.
- C. kí sinh, nửa kí sinh.
- D. cạnh tranh.

Câu 19. Điểm gây chết ở cá rô phi Việt Nam là:

- A. 5^0C ; 42^0C .
- B. 7^0C ; 43^0C .
- C. 8^0C ; 41^0C .
- D. 9^0C ; 32^0C .

Câu 20. Mức phản ứng của cơ thể do yếu tố nào quy định?

- A. Điều kiện môi trường.
- B. Kiểu gen của cơ thể.
- C. Phản ứng của gen trước môi trường.
- D. Mức dao động của tính di truyền.

Câu 21. Rận sống được nhờ hút máu của trâu bò. Mối quan hệ giữa rận và trâu bò là quan hệ

- A. cộng sinh.
- B. hội sinh.
- C. kí sinh, nửa kí sinh.
- D. cạnh tranh.

Câu 22. Trong quần thể, tỉ lệ giới tính cho ta biết điều gì?

- A. Tiềm năng sinh sản của quần thể.
- B. Giới tính nào có tuổi thọ cao hơn.
- C. Giới tính nào được sinh ra nhiều hơn.
- D. Giới tính nào có tuổi thọ thấp hơn.

Câu 23. Mối quan hệ giữa cây nắp ám và côn trùng là quan hệ

- A. cộng sinh.
- B. hội sinh.
- C. sinh vật ăn sinh vật khác.
- D. cạnh tranh.

Câu 24. Những loài nào sau đây là động vật hằng nhiệt?

- A. Gà, bồ câu, lợn.
- B. Bò, dê, éch nhái.
- C. Cá, bồ câu, lợn.
- D. Éch nhái, thỏ, mèo.

Câu 25. Quần thể ngỗng có tỉ lệ đực/cái là

- A. 50/50.
- B. 60/40.
- C. 40/60.
- D. 30/70.

Câu 26. Nhóm sinh vật nào sau đây hoạt động vào ban ngày?

- A. Ngựa, lừa, dê.
- B. Gà, bồ câu, dơi.
- C. Chim cú, muỗi, dơi.
- D. Ruồi, ong, cú.

Câu 27. Mối quan hệ giữa nấm và tảo tạo thành Địa y là mối quan hệ

- A. dinh dưỡng.
- B. cộng sinh.
- C. hội sinh.
- D. hợp tác.

Câu 28. Nhóm động vật biển nhiệt gồm:

- A. Bò sát, chim, thú.
- B. Cá, thú, động vật bậc thấp.
- C. Bò sát, cá, éch nhái.
- D. Éch nhái, chim, động vật bậc thấp.

II. Tự luận: (3 điểm).

Câu 1 (2 điểm): Vận dụng mối quan hệ giữa tăng dân số và phát triển xã hội, em hãy giải thích

- a. Ý nghĩa của việc phát triển dân số hợp lý của mỗi quốc gia?

- b. Mục đích thực hiện pháp lệnh dân số ở Việt Nam?

Câu 2 (1 điểm):

Trong thực tiễn sản xuất, cần phải làm gì để tránh sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể sinh vật, làm giảm năng suất vật nuôi, cây trồng?